

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hữu Vị

2. Bà Lê Thị Gấn

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 477/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Huỳnh Ngọc T, sinh năm xxxx. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường Q, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Nguyễn Trần Khánh H, sinh năm xxxx. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Huỳnh Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh H quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tiến đến hôn nhân vào năm 2022, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố BH. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc tại thành phố BH. Đến tháng 3/2023, vợ chồng chị về quê anh H ngụ ấp C, xã T, huyện G sinh sống. Sau khi chị sinh con đến tháng 5/2023 thì mẹ con chị về lại thành phố BH sinh sống; anh H vẫn sinh sống ở nhà anh H và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng chị xảy ra cự cãi, sống ly thân và nay chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh H chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia H1, sinh ngày xx/x/xxxx hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Trần Khánh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn và thời gian xảy ra mâu thuẫn. Anh thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn như chị T trình bày. Tuy nhiên, hiện chị T cũng đã có người đàn ông khác nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chung sống có 01 con chung như chị T trình bày và hiện cháu đang sống cùng chị T. Ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng vì hiện anh làm công việc rửa xe thuê cho người khác, thu nhập mỗi tháng chỉ 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Trần Khánh H. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Gia H1, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, nhận thấy: Chị và anh H kết hôn năm 2022, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố BH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 04/10/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đều thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn như nêu

trên và thống nhất thuận tình ly hôn nên ghi nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia H1, sinh ngày xx/x/xxxx, hiện sống cùng chị T. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị T là có cơ sở chấp nhận; vì cháu hiện còn rất nhỏ tuổi (dưới 36 tháng tuổi) và anh H cũng đồng ý với yêu cầu của chị. Do đó, việc giao cháu H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh H không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, đối với mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu 2.000.000 đồng/tháng là không có cơ sở chấp nhận vì căn cứ mức thu nhập hiện tại của anh H, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ buộc anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng theo sự tự nguyện của anh H là 1.000.000 đồng/tháng (mức cấp dưỡng này đã cao hơn so với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm cấp dưỡng), thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị T và anh H mỗi người phải chịu 1/2 án phí tương ứng là 75.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên còn phải chịu thêm án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Trần Khánh H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Trần Gia H1, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013081 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên hoàn lại chị số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Anh H phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND phường Q,
TP. BH, Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên

